

Bản án số: 144/2017/DS-ST  
Ngày 01- 9 - 2017  
V/v tranh chấp hợp đồng mua  
bán tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ – TỈNH BẾN TRE**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Phê.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Miêng.

Bà Phan Thị Cẩm Hồng.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Quỳnh Mai – Thư ký Tòa án nhân dân huyện  
Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú:* Ông Nguyễn Phú Quý –  
Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử  
sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2017/TLST –KDTM ngày 21 tháng 6 năm  
2017 về tranh chấp “ Hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử  
số: 2154/2017/QĐST – DS ngày 08/8/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số  
111/2017/QĐST – DS ngày 25/8/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Lê Văn L, sinh năm 1977. Địa chỉ: đường HP, phường 8, quận  
8, thành phố Hồ Chí Minh. Anh L ủy quyền cho ông Nguyễn Dương Kim H, sinh  
năm 1964. Địa chỉ: D2 cư xá PL, phường 13, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Nguyễn Văn T, sinh năm 1985 (có mặt).

Nguyễn Thị D, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp GHB, xã G, huyện P, tỉnh Bến Tre.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Phan Đức Q, sinh năm 1967. Địa chỉ: ấp GHA, xã G, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Ông Q ủy quyền cho ông Nguyễn Dương Kim H, sinh năm 1964. Địa chỉ: D2  
cư xá PL, phường 13, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Nguyễn Dương Kim H có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa ông Nguyễn Dương Kim  
H trình bày:*

Vào khoảng tháng 3/2014 anh T, chị D có mua thức ăn nuôi tôm – thuộc  
TYTS tại Đại lý QT. Sau khi hết mùa vụ hai bên tổng kết nợ thì anh T, chị D còn nợ  
đại lý số tiền 60.000.000 đồng có thể hiện qua giấy nhận nợ và cam kết bắt đầu trả nợ

từ ngày 10/8/2015 tuy nhiên sâu đó anh T, chị D không thực hiện. Ngày 20/01/2016 hai bên có lập “ giấy xác nhận nợ”. Khi đó anh T, chị D cam kết trả mỗi tháng 5.000.000 đồng, trả cho đến khi hết số tiền 60.000.000 đồng. Đến tháng 6/2017 anh T, chị D có trả cho đại lý được 35.000.000 đồng còn lại 25.000.000 đồng. Anh T, chị D cố tình kéo dài thời hạn thanh toán nợ trên gây thiệt hại nghiêm trọng quyền và lợi ích hợp pháp của đại lý QT trong hoạt động kinh doanh cũng như trong lĩnh vực báo cáo, quyết toán thuế với cơ quan thuế trong suốt nhiều năm liền của Đại lý QT.

Tại phiên tòa ông Kim H yêu cầu Tòa án buộc anh T và bà chị phải liên đới trả cho ông L, ông Q một lần số tiền 35.687.500 đồng (trong đó nợ gốc: 25.000.000 đồng; Tiền lãi phát sinh từ ngày 01/4/2014 đến ngày 01/6/2017: 38 tháng là: 25.000.000 đồng x 1.125%/tháng x 38 tháng = 10.687.500 đồng.

*Theo biên bản lấy lời khai ngày 17/7/2017 và trong quá trình tố tụng tại Tòa bị đơn Nguyễn Văn T trình bày:*

Anh thừa nhận có mua thức ăn, hóa chất, vôi xử lý để phục vụ nuôi tôm thẻ chân trắng tại Đại lý thức ăn thủy sản QT hiện nay anh và chị D còn nợ lại Đại lý QT 25.000.000 đồng, anh thừa nhận anh và chị D có ký biên nhận nợ ngày 20/01/2016 và giấy cam kết trả nợ trong năm 2015 mà ông Kim H cung cấp cho Tòa án. Do gia đình anh gặp khó khăn về kinh tế nên anh, chị không có trả năng trả nợ tiếp cho Đại lý Qùy Tường.

Tại phiên tòa anh và chị D đồng ý liên đới trả cho Đại lý thức ăn QT nợ gốc 25.000.000 đồng nhưng xin được trả dần trong thời gian hai tháng. Đối với số tiền lãi là 10.687.500 đồng anh L, ông Qùy yêu cầu là phù hợp nhưng anh không đồng ý trả do khi viết cam kết trả nợ không có thỏa thuận tiền lãi.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đúng qui định tại các Điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn thống nhất nợ gốc là 25.000.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Đối với việc nguyên đơn tính lãi là có căn cứ do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Do đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị D hiện có sinh sống và đăng ký hộ khẩu áp GHB, xã G, huyện P, tỉnh Bến Tre do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: Bị đơn Nguyễn Thị D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị D.

[4] Về nội dung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa ông H, anh T thống nhất anh T, chị D còn nợ anh L, ông Q số tiền nợ gốc 25.000.000 đồng, nợ lãi là 10.687.500 đồng. Ông H yêu cầu anh T, chị D phải trả ch Đại lý Quỹ Tương một lần số tiền nợ gốc 25.000.000 đồng, nợ lãi là 10.687.500 đồng, riêng anh T nhưng xin được kéo dài thời gian trả nợ gốc trong thời gian hai tháng, đối với số tiền lãi là 10.687.500 đồng anh L, ông Q yêu cầu là phù hợp nhưng anh, chị không có khả năng trả cho anh L, ông Q.

[5] Căn cứ vào chứng cứ là biên nhận nợ do nguyên đơn cung cấp kèm theo đơn khởi kiện và lời trình bày của ông H, anh T thì hợp đồng mua bán giữa Đại lý Quỹ Tương với anh T, chị D là phù hợp với quy định tại Điều 121, Điều 122 của Bộ luật dân sự 2005 nên được xem là hợp đồng hợp pháp. Tuy nhiên quá trình thực hiện hợp đồng anh T, chị D đã vi phạm hợp đồng mà hai bên đã thỏa thuận làm phát sinh tranh chấp. Lẽ đó anh L, ông Q yêu cầu anh T, chị D giao trả cho đại lý Quỹ Tương 25.000.000 đồng là phù hợp với Điều 428, 438 của Bộ luật dân sự 2005 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Xét yêu cầu của anh L, ông Q về việc yêu cầu anh T, chị D phải trả lãi phát sinh với số tiền 10.687.500 đồng. Do anh T, chị D đã vi phạm hợp đồng mà hai bên đã thỏa thuận, để đảm bảo quyền lợi của anh L, ông Q cần buộc anh T, chị D phải trả lãi cho anh L, ông Q. Mặc khác lãi suất anh L, ông Q yêu cầu là phù hợp với quy định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Xét yêu cầu trả nợ dần của anh T, xét thấy: anh T, chị D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho anh L, ông Q trong một thời gian dài làm ảnh hưởng đến quyền lợi của anh L, ông Q. Mặc khác anh T, chị D không chứng minh được kinh tế gia đình anh, chị đang khó khăn và tại phiên tòa ông H cũng không đồng ý với yêu cầu trả nợ dần của anh T, chị D. Do đó yêu cầu này của anh T, chị D không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Anh T, chị D phải nộp án phí theo quy định của pháp luật được tính như sau:  $5\% \times 35.687.500 \text{ đồng} = 1.784.375 \text{ đồng}$ .

[9] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 26, điểm b, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 227, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 428, 438 Bộ luật dân sự 2005; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn L. Buộc anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị D có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Lê Văn L và ông Phan Đức Q số tiền 35.687.500 đồng (trong đó nợ gốc là 25.000.000 đồng, nợ lãi là 10.687.500 đồng)

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị D phải liên đới nộp là 1.784.375 đồng.

Anh Lê Văn L được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Phú hoàn trả số tiền 3.000.000 đồng theo biên lai thu số 0010644 ngày 20/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Phú.

Đương sự có mặt tại tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện;
- TAND tỉnh;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ  
(Đã ký)**

**HUỲNH THỊ PHÊ**





